

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 06/3/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Kiều D, sinh năm: 1976 và bà Phù Thị Ngọc T, sinh năm: 1976; Cùng có nơi cư trú: Thôn HT, xã CTĐ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Thôn BBĐ, xã CB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày: Ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T với bà Võ Thị C là chỗ quen biết, ông D, bà T nhiều lần cho bà C vay tiền để làm ăn, cụ thể:

- Ngày 18/6/2021: vay 60.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1%/tháng.

- Ngày 02/7/2021: vay 50.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1%/tháng.

- Ngày 09/3/2022: vay 100.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.

- Ngày 09/4/2022: vay 170.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.

- Ngày 30/5/2022: vay 100.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.

- Ngày 13/7/2022: vay 70.000.000 đồng thời hạn 01 tháng, lãi suất 1%/tháng.

Tổng cộng bà C vay ông bà số tiền 550.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền. Đến thời gian trả nợ, ông D, bà T nhiều lần yêu cầu bà C phải trả số tiền trên, nhưng bà C vẫn không trả. Nay ông D, bà T yêu cầu bà C phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày theo một số giấy vay tiền có đề cập đến việc nguyên đơn nhận tài sản thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị C ký hiệu CD046846 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10655 nhưng thực tế hai bên không giao kết hợp đồng thế chấp, không tiến hành đăng ký đảm bảo theo quy định, nên nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết.

Bị đơn trình bày: Bà Võ Thị C thừa nhận có vay nợ của ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T nhưng do làm ăn khó khăn nên chưa có tiền trả nợ.

Tại bản khai ngày 06/3/2023 bà C xác định có nhiều lần vay tiền của ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T nhưng không nhớ số lần cụ thể, có ký giấy vay tiền nhưng cho rằng tổng số nợ là 450.000.000 đồng chứ không phải 550.000.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn. Bà Cúc xin được trả nợ sau khi chuyển nhượng được quyền sử dụng đất.

Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên không có lập hợp đồng thế chấp nên bà Cúc không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền vay, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên việc Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ. Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn theo khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án cũng không phát sinh thêm tình tiết mới nào khác để làm căn cứ cho việc chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường theo quy định tại khoản 3 Điều 317 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn có vay nhiều lần với số tiền 550.000.000 đồng của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Ngày 18/6/2021: vay 60.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1%/tháng.
- Ngày 02/7/2021: vay 50.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1%/tháng.
- Ngày 09/3/2022: vay 100.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.
- Ngày 09/4/2022: vay 170.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.
- Ngày 30/5/2022: vay 100.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.
- Ngày 13/7/2022: vay 70.000.000 đồng thời hạn 01 tháng, lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ, là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Đối với số tiền lãi nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

Bị đơn bà C xác nhận có việc vay tiền và ký các giấy vay tiền nhưng tính toán số nợ là 450.000.000 đồng là không phù hợp với các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp.

Đối với việc thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị C ký hiệu CD046846 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10655 nhưng thực tế hai bên không giao kết hợp đồng thế chấp, không tiến hành đăng ký đảm bảo theo quy định nên các đương sự đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tuy nhiên bị đơn có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 266, 316, 317, 320 và 322 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Võ Thị C phải trả cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T số tiền nợ đã vay là 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

2/ Án phí:

Bà Võ Thị C được miễn nộp án phí.

Hoàn lại cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000374 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

5/ *Quy định:*

Kể từ ngày ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị C không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 07 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 07 ngày kể tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CC THADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu